

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DSST
Ngày: 27 – 3 – 2024.
“ *V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Thu Hà.

2/ Ông Trần Văn Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 346/2023/TLST - DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXX - ST ngày 22/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐ – HPT ngày 11/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mười H, sinh năm: 1964.

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Mười H1 là anh Lưu Công Đ, sinh năm: 1976 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: 1/ Ông Trần Văn T, sinh năm: 1967 (Vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1969 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mười H do anh Lưu Công Đ làm đại diện trình bày:

Ngày 12/4/2023 ông Trần Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị T1 có hỏi vay của bà Nguyễn Thị Mười H số tiền 160.000.000đ ông T, bà T1 có viết biên nhận nợ cho bà Mười H1 02 tờ, một tờ ghi 70.000.000đ và 01 tờ ghi 90.000.000đ. và hứa sẽ đóng lãi cho đến khi trả xong khoản nợ gốc. Tuy nhiên thì phía ông T bà T1 không

thực hiện lời hứa, bà [Mười H1](#) nhiều lần nhắc nhở nhưng ông [T](#), bà [T1](#) vẫn không trả khoản tiền trên.

Nay bà [Mười H1](#) yêu cầu ông [T](#), bà [T1](#) có trách nhiệm trả cho bà [Mười H1](#) số tiền vốn vay là 160.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 12/4/2023 đến ngày 12/3/2024 là 11 tháng. Thành tiền 160.000.000đ x 11 tháng x 1,66% = 29.216.000. Tổng cộng vốn và lãi là 189.216.000đ (Một trăm tám mươi chín triệu hai trăm mười sáu ngàn đồng). Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

* Tại bảng khai ý kiến ngày 12/01/2024 ông [Trần Văn T](#) trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền của bà [Mười H1](#) số tiền 160.000.000đ. Nay ông và vợ thống nhất trả cho bà [Mười H1](#) số tiền vốn 160.000.000đ xin không trả lãi.

Tòa án đã triệu tập họp lệ bà [Nguyễn Thị T1](#) nhưng bà [T1](#) vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà [Mười H1](#) có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà và ông [T](#), bà [T1](#). Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. Tòa án đã triệu tập họp lệ ông [T](#), bà [T1](#) đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Bà [Mười H1](#) có cho ông [T](#), bà [T1](#) vay số tiền 160.000.000đ để làm vốn làm ăn, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Khi vay tiền ông [T](#), bà [T1](#) có viết biên nhận cho bà [Mười H1](#). Tuy nhiên khi đến hạn thì ông [T](#), bà [T1](#) không đóng lãi cũng không trả vốn nên bà [Mười H1](#) yêu cầu ông [T](#), bà [T1](#) có trách nhiệm trả vốn và lãi tính đến ngày 12/3/2024 là 189.216.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng và gửi các tài liệu chứng cứ cho bà [T1](#) vẫn cố tình lánh mặt không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng như yêu cầu của mình. Bà [Mười H1](#) có nộp biên nhận nợ bản chính cho Tòa án và tại bảng khai ý kiến ngày 10/01/2024 ông [T](#) thừa nhận vợ chồng ông bà có vay tiền của bà [Mười H1](#). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh.

[3] Trong hợp đồng vay tài sản trên bà [Mười H1](#) đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giao đủ số tiền cần vay cho ông [T](#), bà [T1](#), sau khi nhận tiền ông [T](#), bà [T1](#) không thực hiện nghĩa vụ của mình là trả vốn và lãi theo đúng thời gian thỏa thuận làm cho quyền lợi của bà [Mười H1](#) bị thiệt hại. Ông [T](#) thừa nhận có nợ số tiền 160.000.000đ và thống nhất trả tuy nhiên ông [T](#) xin trả vốn xin không trả lãi. Việc này không được bà [Mười H1](#) chấp nhận nên không được ghi nhận. Về mức lãi suất bà [Mười H1](#) yêu cầu là 20% năm là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những căn cứ nêu trên xác định đã có đủ cơ sở buộc ông T, bà T1 có trách nhiệm trả cho bà Mười H1 số tiền vốn và lãi là 189.216.000đ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[5] Án phí sơ thẩm: Buộc ông T, bà T1 phải nộp số tiền 9.461.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 35, 39, 117, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 465, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mười H do anh Lưu Công Đ làm đại diện.

Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mười H số tiền vốn là 160.000.000đ (Một trăm sáu chục triệu đồng) và tiền lãi là 29.216.000đ (Hai mươi chín triệu hai trăm mười sáu ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 189.216.000đ (Một trăm tám mươi chín triệu hai trăm mười sáu ngàn đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí sơ thẩm:

+ Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải nộp án phí là 9.461.000đ (Chín triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Mười H không phải nộp án phí. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mười H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.385.000đ (Bốn triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008381 ngày 25/10/2023 của chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Quốc Cường